

Buổi 21

Mô hình client server

Những điều cần lưu ý

- Là ngôn ngữ thông dịch
- Hầu hết được dùng để: xử lý dữ liệu thông qua giải thuật, truy xuất/cập nhật dữ liệu
- Phân biệt ngôn ngữ thông dịch và biên dịch
- File extension:

.php

- Nội dung file php

```
<?php
```

```
//code here
```

```
?>
```

- Các dòng lệnh phải kết thúc bằng dấu chấm phẩy “;”

Biến (phải có dấu \$ ở trước)

```
$a = 1;
```

Biến được phép cập nhật giá trị

```
$a = 2; //Cập nhật giá trị là 2
```

Hằng (Dùng để khai báo giá trị cố định và dùng nó nhiều lần trong chương trình. Và không được phép cập nhật giá trị của hằng)

```
define("HOSTNAME", "localhost");
```

```
define("PI", 3.14);
```

Chú thích

Dùng dấu // hoặc /* */

//: cho dòng

/**/: cho khối code

Kiểu dữ liệu: (number, string, array, object, boolean, null)

- Number:
 - \$a = 7;
 - \$b = 7.15;
 - \$c = 3.17052;
 - \$d = -2;
- String
 - \$a = "Nguyễn Văn A";
 - \$b = 'Nguyễn Văn A';//Sự khác nhau giữa ' và " sẽ học sau
 - \$c = "";//chuỗi rỗng
- Array
 - \$a = array(20, 13, 27, 45);
 - \$a = [20, 13, 27, 45];
 - \$a = [];//array không chứa bất kỳ phần tử nào
- Object : liên quan đến hướng đối tượng(học sau)
- Boolean
 - \$a = true;
 - \$b = false;
- Null
 - \$a = null;
- Resource: liên quan đến kết nối cơ sở dữ liệu(học sau)

Hiển thị giá trị của biến/hằng

Sử dụng các hàm/lệnh có sẵn: echo , var_dump(), print_r()

var_dump và print_r dùng cho giá trị có kiểu dữ liệu là array hoặc object

Truy xuất/cập nhật phần tử của array (thông qua chỉ số index - gọi là mảng số nguyên)

```
$a = array("Táo", "Quýt", "Cam", "Lê", "Ổi");
```

- Chỉ số của phần tử đầu tiên là 0 và tăng dần cho các phần tử còn lại
 - "Táo" có chỉ số là 0
 - "Quýt": có chỉ số là 1
 - "Cam": có chỉ số là 2
 - "Lê": có chỉ số là 3
 - "Ổi": có chỉ số là 4
- Truy xuất giá trị của các phần tử trong array
 - \$a[0] ;//giá trị là "Táo"
 - \$a[3];//giá trị là "Lê"
- Cập nhật giá trị của các phần tử trong array

- `$a[2] = "Xoài";` //phần tử thứ 2 (tính từ 0) có giá trị mới là "Xoài" (giá trị cũ là "Cam")

Kích thước của array: được xác định là số lượng phần tử có trong array đó

```
$a = array("Táo", "Quýt", "Cam", "Lê", "Ổi");
```

Ví dụ trên kích thước của array a là 5

Array kết hợp: học ở buổi sau

Toán tử số học

Một số toán tử số học thường dùng: +, -, *, /, %

Toán tử luận lý

Một số toán tử luận lý thường dùng: !, ||, &&

Toán tử so sánh

Một số toán tử so sánh thường dùng: <, <=, >, >=, ==, ===

Bài tập

- Bài 1
 - Viết đoạn code tính tổng các con số từ 1 đến 9 và hiển thị giá trị tính được
- Bài 2
 - Viết đoạn code nối họ, chữ đệm và tên thành chuỗi tên họ đầy đủ (giữa các từ có khoảng trắng)
 - VD:
 - Họ: "Nguyễn"
 - Chữ đệm: "Văn"
 - Tên: "Nam"
 - ⇒ Hiện thị kết quả tên họ đầy đủ là: Nguyễn Văn Nam
- Bài 3
 - Viết đoạn code có biến chứa các phần tử là Tivi, Tủ lạnh, Điện thoại, Máy giặt, Bàn ủi
 - Sau đó đổi phần tử Điện thoại thành Ipad, đổi Máy giặt thành Máy rửa chén
 - Hiện thị kết quả
- Bài 4
 - Viết đoạn code thực hiện phép toán lấy dư: 7 chia 3 lấy dư kết quả là 1
 - Hiện thị kết quả
- Bài 5 (tìm hiểu cho bài kế tiếp)

- Viết code dùng vòng lặp for để tính tổng các phần tử trong array. Ví dụ array có các phần tử sau: 3, 5, 10, 2, 7, 9, 3. Kết quả sẽ là 39

thayloc.com